

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS-PT
Ngày 30 - 12 - 2022
V/v tranh chấp đất đai và bồi
thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà
Trần H1 Thẩm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp đất đai và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950 (có mặt)
Bà Phùng Thị Lệ H, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1: Anh Dương Bạch T,
Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà V: Anh Đặng Văn Duy, sinh năm 1983. *Địa chỉ:* Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện Tô Minh Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ.

3. Ủy ban nhân dân xã Đ (vắng mặt)

Người đại diện: Ông Trương Đức T, Chủ tịch UBND xã Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H trình bày ý kiến: Vào năm 1988 vợ chồng ông, bà có khai phá phần đất ở gần cầu T thuộc Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu diện tích đất khai phá khoảng trên 700 m², khi khai phá phần đất đã làm con lộ Giá Rai – Gành Hào. Phần đất khai phá có chiều ngang 17,8m và chiều dài từ lộ xuống tới sông là 39,57m. Sau khi khai phá thì vợ chồng ông, bà có cất nhà ở sử dụng từ năm 1988, lúc đầu cất nhà là loại nhà lá, khi bão số 5 vào làm sập nhà thì cất loại nhà cột kê, lợp túp lô xi măng, có xây chuồng heo bằng xi măng, đóng cây nước ngầm. Đến năm 2008 vợ chồng ông, bà di dời nhà ra gần biển để thuận tiện cho việc làm nghề biển; khi dời nhà đi có dỡ nhà, để lại vật kiến trúc trên đất là chuồng heo bằng bê tông, cây nước ngầm, cây tra và cột điện bằng bê tông dùng để kéo điện về nhà.

Hiện nay các tài sản trên ông H1 đã đổ đất lấp và dùng xe ủi san lấp hết không còn. Khi ông, bà di dời nhà đi gửi đất lại cho bà con hàng xóm trông coi, vợ chồng ông, bà cũng thường xuyên qua lại trông coi nền nhà. Trong thời gian ông, bà sử dụng phần đất này chưa đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với lý do khi liên hệ với xã thì địa chính nói đất bảo lưu, không làm bằng khoán được nên ông, bà không làm cho đến nay.

Đến tháng 4/2020 ông H1 dùng xe ủi đổ đất lấp trên nền nhà; ông, bà phát hiện được và trình chính quyền ấp, sau đó chuyển đến xã. Cũng từ tháng 04/2020 ông, bà mới biết ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà Nguyễn Thị V (vợ ông H1) đứng tên.

Vào năm 1988 ông, bà có đóng cây nước ngầm tay bơm ống phi 49, đến năm 1996 ông, bà có xây chuồng heo, ngang 2m, dài 5m, chiều cao 1,2m, nền trát xi măng, xung quanh xây gạch ống, không tô xi măng. Khi ông, bà dời nhà đi ra biển sau đó một thời gian thì ông H1 đổ đất lấp chuồng heo và cây nước ngầm làm hư hỏng nên khi đo đạc đất và thẩm định không còn.

Ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H yêu cầu ông Đặng Văn H1 trả phần đất qua đo đạc thực tế 684,5m², trong đó có 131,9m² đã được thu hồi làm lộ. Phần đất nhà nước thu hồi làm lộ đã bồi thường cho ông H1 bao nhiêu thì trả lại bấy nhiêu. Ngoài ra bà H còn yêu cầu ông H1 bồi thường cây nước ngầm trị giá 14.000.000 đồng và chuồng heo trị giá 5.000.000 đồng.

Ông Đặng Văn H1 trình bày ý kiến: Vào năm 1976 ông có nhận chuyển nhượng phần đất khoảng 3,4 công tầm lớn của ông Nguyễn Thanh T cùng địa chỉ Ấp B, xã Đ, huyện Đ, khi nhận chuyển nhượng là đất làm muối, giá khoảng 3,4 chỉ vàng 24K, ông không nhớ rõ, khi nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ. Từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông Tâm thì ông canh tác và sử dụng phần đất này

cho đến nay. Năm 1995 ông đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thị V tổng cộng 35.340m².

Phần đất bà Phùng Thị Lê H tranh chấp với ông tại thửa 0576 diện tích 6.720 m² tại Ấp G, xã Đ. Nguyên trước đây ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh Tâm khoảng năm 1978, 1979 độ chừng khoảng 4 công, khi nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ. Tiếp đó ông mới nhận chuyển nhượng của ông Cái Minh Tông không nhớ bao nhiêu công, không nhớ bao nhiêu mét vuông, nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ. Cuối cùng ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà H, ông S khoảng 700m² hay 1000 m², không nhớ cụ thể, nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ. Phần đất ông nhận chuyển nhượng của ông Tâm, ông Tông và bà H cộng chung là 6.720m² tại thửa đất 0576. Sau khi bà H chuyển nhượng đất cho ông ở phía trên thì bà H xuống cặp sông cát nhà ở để đặt đục (nhà cát trên phần đất nhận chuyển nhượng của ông Tâm); khi vợ chồng bà H cát nhà, đất đó là đất biên bãi nên ông không có ý kiến gì về việc bà H cát nhà trên đất của ông; vợ chồng bà H cát nhà năm nào ông không nhớ, do quá lâu. Bà H ở trên đất đó khoảng trên 10 năm thì bà H dỡ nhà đi, khi bà H dỡ nhà thì di dời toàn bộ, không còn để lại gì trên đất, chỉ còn dấu vết gạch. Khi bà H đi cho đến nay không về đòi đất, đến khi Ủy ban nhân dân xã Đ đòi về gần chỗ đất, bà H mới về kiện đòi.

Việc ông đổ đất lên phần đất tranh chấp là do đất của ông nên ông đổ, đổ đất khoảng 10 xe, trị giá khoảng 3.000.000 đồng, ông không yêu cầu đối với việc đổ đất. Ông Đặng Văn H1 đồng ý trả lại phần đất nền của bà H đã ở trước đây trong 684,5m², phần còn lại là của ông, đối với tiền bồi thường diện tích đất 131,9m² (ông không nhớ số tiền là bao nhiêu), không đồng ý bồi thường cây nước ngầm trị giá 14.000.000 đồng và chuồng heo trị giá 5.000.000 đồng.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày ý kiến: Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị V là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đối với phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (154,1m² + 398,5m²) vị trí đất tranh chấp nằm trong quy hoạch đất làm muối và đất trồng cây lâu năm. Đối với diện tích đất 131,9m² đã bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị V thuộc dự án Nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Long Điền Tây.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày ý kiến: Phần đất tranh chấp 684,5m² tại Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, trong đó có (154,1m² + 398,5m²) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị V thuộc dự án Nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Long Điền Tây, phần đất tranh chấp không ai khai thác, sử dụng trong nhiều năm gần đây, trước năm 2008 bà Phùng Thị Lê H có khai thác, sử dụng hay không Ủy ban nhân dân xã không nắm được, do thời gian đã lâu. Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến đối với phần đất tranh chấp giữa các bên.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 672022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H.

2. Buộc ông Đặng Văn H1 và bà Nguyễn Thị V trả lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H diện tích 552,6m² có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp nhà ông Lê Văn Dũng cạnh dài (3,53m + 10,96m)

Hướng Tây giáp kênh 60 cạnh dài (4m + 4,35m + 3m)

Hướng Nam giáp đường bê tông (phần đất đã thu hồi làm lộ) cạnh dài 37,86m

Hướng Bắc giáp kênh Trại Sò cạnh dài 38,2m.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H đối với diện tích đất 19,7m².

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H đòi ông Đặng văn H1 giao trả 131,9m² đất (đã thu hồi làm lộ).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Lệ H khởi kiện ông Đặng Văn H1 bồi thường thiệt hại tài sản là cây nước ngầm trị giá 14.000.000 đồng và chuồng heo trị giá 5.000.000 đồng.

5. Ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H là người cao tuổi nên được miễn án phí, bà Phùng Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn S được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, ông Đặng Văn H1 kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý giao trả cho bà Phùng Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn S diện tích đất 552,6m².

Tại phiên tòa, người kháng cáo rút một phần kháng cáo đối với diện tích đất 154,1m². Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn Khánh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của ông Đặng Văn H1 nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo rút một phần kháng cáo đối với diện tích 154,1m² và thống nhất trả phần đất này cho gia đình nguyên đơn, diện tích còn lại 398,5m² bị đơn kháng cáo không đồng ý trả cho nguyên đơn.

[4] Xét về nguồn gốc đất nguyên đơn xác định đất tranh chấp trước đây là đất biên gần sông thuộc Hợp tác xã muối Doanh Điền. Năm 1988 do không có đất ở gia đình nguyên đơn đến khai phá phần đất trống để cất nhà ở, gia đình nguyên đơn đã cất nhà ở từ năm 1988 đến năm 2008 do để thuận lợi cho nghề làm biển nên gia đình nguyên đơn dời nhà dời về gần mé biển sinh sống, tài sản còn lại trên đất gồm 01 giếng nước ngầm, 01 chuồng heo và cột điện. Năm 2020 gia đình nguyên đơn phát hiện bị đơn đổ đất đắp nền chiếm đất, nguyên đơn trình báo chính quyền địa phương và xảy ra tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích 684,5m². Bị đơn xác định đất tranh chấp gia đình bị đơn chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh Tâm vào năm 1976, không có làm giấy tờ.

[5] Về quá trình sử dụng đất: Có căn cứ xác định phần đất tranh chấp gia đình nguyên đơn có cất nhà ở và còn lại một số tài sản trên đất, điều này bị đơn cũng thừa nhận. Bị đơn cho rằng bị đơn nhận chuyển nhượng đất của ông Tâm nhưng từ trước đến nay, gia đình bị đơn hoàn toàn không sử dụng đất. Hơn nữa, bị đơn cho rằng đất chuyển nhượng từ năm 1976, nhưng năm 1988 gia đình nguyên đơn đến cất nhà ở đến năm 2008 bị đơn không có yêu cầu hay phản đối việc sử dụng đất của nguyên đơn.

[6] Căn cứ vào kết quả đo đạc, thẩm định đất tranh chấp, cơ quan chuyên môn xác định đất tranh chấp có diện tích 131,9m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị V (theo bản đồ 299) thuộc một phần thửa 576, tờ bản đồ số 01, phần còn lại có diện tích 522,6m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

[7] Tại công văn số 4979 ngày 22/12/2021 Ủy ban nhân dân huyện Đ có nội dung trình tự thủ tục cấp giấy cho bà V trên cơ sở nộp đơn đăng ký được Hội đồng

của xã xét duyệt, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận cho bà V; việc cấp giấy chứng nhận cho bà V diện tích 35.340m² là đúng quy định pháp luật. Như vậy, đối với diện tích 131,9m² nằm trong diện tích 35.340m² bà V được cấp giấy là do gia đình bà V đã làm đơn đăng ký mới được cấp phần đất còn lại 552,6m² gia đình bà V ông H1 không có đăng ký.

Như vậy, phía bị đơn cho rằng đất nhận chuyển nhượng nhưng đăng ký kê khai diện tích 131,9m², diện tích 552,6m² không sử dụng và cũng không kê khai đăng ký. Trong khi nguyên đơn có quá trình sử dụng đất, bị đơn thừa nhận; ngoài ra xác nhận của ông Nguyễn Quốc Vinh (Bút lục 15) ông Vinh xác định khoảng năm 1983 – 1984, ông là Ủy viên Thư ký Ủy ban xã Đ thì có một số hộ dân đến chiếm đất từ cầu Trại Sò ra tới lộ rất đông trong đó có ông Nguyễn Văn S.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 552,6m² là có căn cứ. Tại phiên tòa, người kháng cáo rút một phần kháng cáo diện tích 131,9m², tự nguyện giao trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với diện tích rút kháng cáo. Tuy nhiên, dù bị đơn rút một phần kháng cáo diện tích 131,9m² và tự nguyện giao trả nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn trả diện tích đất 552,6m². Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện chứng cứ và vi phạm tố tụng, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Như đã phân tích căn cứ tài liệu, chứng cứ cũng như quá trình sử dụng đất, có căn cứ xác định diện tích 552,6m² là của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn cũng như yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án số 67/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của Bản án do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Đặng Văn H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi quy định “người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông Đặng Văn H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H.

Buộc ông Đặng Văn H1 và bà Nguyễn Thị V trả lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H diện tích 552,6m² có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp nhà ông Lê Văn Dũng cạnh dài (3,53m + 10,96m);

Hướng Tây giáp kênh 60 cạnh dài (4m + 4,35m + 3m);

Hướng Nam giáp đường bê tông (phần đất đã thu hồi làm lộ) cạnh dài 37,86m;

Hướng Bắc giáp kênh Trại Sò cạnh dài 38,2m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H đối với diện tích đất 19,7m².

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H đòi ông Đặng Văn H1 giao trả 131,9m² đất (đã thu hồi làm lộ).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Lệ H khởi kiện ông Đặng Văn H1 bồi thường thiệt hại tài sản là cây nước ngầm trị giá 14.000.000 đồng và chuồng heo trị giá 5.000.000 đồng.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm của ông Đặng Văn H1 về yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H giao trả diện tích đất 131,9m².

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.645.000 đồng, ông Đặng Văn H1 chịu 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H chịu 645.000 đồng, ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị H đã nộp 2.645.000 đồng. Buộc ông Đặng Văn H1 phải nộp 2.000.000 đồng để hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H.

7. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn S và bà Phùng Thị Lệ H được miễn nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn H1 được miễn nộp.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều